

Bản án số: 129/2018/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Thịnh;

Bà Vũ Thị Kim D.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2018/TLST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 11/8/1997, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T; vợ: Lưu Thị L; con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 06/2015/HSST ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện TD xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 01 năm; ngày 30/3/2015 bị cáo N đã chấp hành xong án phí (bị cáo đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Ngõ 15, đường Trần Quốc Tuấn, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

2. Chị Phùng Thị D, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn 6 (Giếng Mát), xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Văn N đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ N: Khoảng 18 giờ ngày 18/6/2018, N điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, BKS 88K1 – 314.02 chở chị Nguyễn Thị H (là chị họ của N) đi từ nhà chị H xuống phòng trọ của chị H ở ngõ 6, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Sau khi đưa chị H đến phòng trọ, N nảy sinh ý định đi loanh quanh trên địa bàn thành phố V xem ai có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt lấy tiền tiêu sài cá nhân. N một mình điều khiển xe máy đi trên đường Nguyễn Tất Thành đến ngã tư T50 thuộc phường TS rồi rẽ trái đi vào đường Hùng Vương, thành phố V theo chiều đường Việt Trì đi Hà Nội. Khi đi đến gần khu vực đài phun nước thuộc phường N, thành phố V, N nhìn thấy chị Nguyễn Thị P đang điều khiển xe đạp điện trên chiều đường Hà Nội đi Việt Trì, trên tay trái chị P đang cầm 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi, chị P đang bấm điện thoại. Thấy vậy, N điều khiển xe vòng qua bùng bình đài phun nước, đi theo sau chị P. Khi đến gần cổng Tỉnh thuộc đường Hùng Vương, phường N, thành phố V, N điều khiển xe máy đi áp sát bên trái chị P, rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của chị P, N chuyển điện thoại giật được sang tay trái và điều khiển xe máy đi vào đường Phạm Văn Đồng nhanh chóng chạy thoát. Chị P hô “cướp, cướp” đồng thời điều khiển xe đạp điện đuổi theo nhưng không đuổi kịp, sau đó chị P đến Công an thành phố V trình báo.

Sau khi giật được chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của chị P, N điều khiển xe máy đi đến đường Lạc Long Quân, phường K, thành phố V thì dừng lại mở điện thoại ra xem thấy điện thoại để mật khẩu khóa màn hình N không mở được, nghĩ không mở được mật khẩu sẽ khó bán và sợ điện thoại để chế độ bất định vị nên N vứt chiếc điện thoại Iphone 6 Plus ở gốc cây tại dải phân cách của đường Lạc Long Quân (đoạn ngã tư giao cắt với đường Nguyễn Tất Thành).

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến km4 gần khu vực công nghĩa trang thành phố V thuộc xã Đ, thành phố V, Nguyễn Văn N nhìn thấy phía trước cùng chiều đường đang đi có chị Phùng Thị D đang điều khiển xe máy BKS 88K1 – 204.55, phía sau túi quần bên phải của chị D có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng. Thấy vậy, N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị D. N điều khiển xe máy đi áp sát bên trái chị D rồi dùng tay phải

giật lấy chiếc điện thoại OPPO khỏi túi quần của chị D sau đó phóng xe máy bỏ chạy, chị D hô hào và đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó chị D đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Sau khi cướp giật được điện thoại OPPO của chị D, N điều khiển xe máy đến đoạn đường 310 thuộc tổ dân phố TX, xã GK, huyện BX thì dừng lại kiểm tra thấy điện thoại bị vỡ màn hình và để mật khẩu khóa màn hình không mở được nên N vứt chiếc điện thoại OPPO ở ven đường.

Ngày 18/6/2018 và ngày 19/6/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố V đã tiến hành cho N chỉ dẫn địa điểm phạm tội cũng như nơi vứt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng và đã thu giữ được các điện thoại nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 108/KL-HĐĐG ngày 06/7/2018 của Hội đồng định giá UBND thành phố V kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 16GB, màu ghi, trị giá 4.000.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, đã cũ, máy vỡ ½ màn hình, trị giá 700.000đ.

Tại Cáo trạng số: 126/CT-VKSTP.VY ngày 15/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn N về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D đã nêu trên.

Bị hại chị Nguyễn Thị P tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai chị P trình bày: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 18/6/2018, chị đi xe đạp điện từ nhà để đến phòng tập gym trên đường Lê Lợi, phường T, thành phố V. Khi chị đi đến khu vực cổng tỉnh, trên tay chị có cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu ghi. Lúc này có 01 nam thanh niên đi xe máy đi từ phía sau đi song song với chị bất ngờ dùng tay phải giật chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu ghi trên tay của chị rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Phạm Văn Đồng, phường TS, thành phố V, người thanh niên đó mặc áo màu đen, đi xe Wave màu đen BKS 88K1- 314.02. Chị đã đến Cơ quan công an trình báo sự việc. Ngày 14/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại cho chị chiếc điện thoại trên, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì (bút lục từ 80, 81 và 93, 94).

Bị hại chị Phùng Thị D tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai chị D trình bày: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/6/2018 chị điều khiển xe máy BKS 88K1 – 204.55, phía sau túi quần bên phải của chị D có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng. Khi chị đi đến Km số 4, xã Đ, thành phố V thì bị 01 nam thanh niên đi từ phía sau bằng xe máy Honda Wave màu đen BKS 88K1- 314.02 vượt lên giật 01 điện thoại điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng

để ở túi quần bên trái. Sau đó người thanh niên bỏ chạy về phía xã K và rẽ vào Q, B. Chị đã đến Công an xã K trình báo sự việc. Ngày 14/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã trả lại cho chị chiếc điện thoại điện thoại trên, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì (Bút lục 72 - 75).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS 88K1- 314.02, đăng ký xe đứng tên chị. Ngày 18/6/2018 chị cho N (là anh trai) mượn chiếc xe máy trên để N đi đón bạn gái. Chị không biết N sử dụng xe máy để cướp giật tài sản, chiếc xe máy đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị, nay chị không yêu cầu gì đối với bị cáo (Bút lục 84 - 85)

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 3 năm đến 3 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi cho chị Nguyễn Thị P; chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng cho chị Phùng Thị D và chiếc xe máy Honda Wave, màu sơn đen BKS 88K1 – 314.02 cho chị Nguyễn Thị C là hợp pháp; tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi màu đen và 01 đôi giày màu trắng của bị cáo N.

Bị cáo Nguyễn Văn N không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn N tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ mục đích muốn có tiền tiêu sài nên Nguyễn Văn N đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ N: Khoảng 19 giờ ngày 18/6/2018, tại khu vực cổng Tỉnh thuộc đường Hùng Vương, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi điều khiển xe máy BKS 88K1 – 314.02 cướp giật chiếc

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi, trị giá 4.000.000đ của chị Nguyễn Thị P.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, tại khu vực Km 4, xã ĐT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo N điều khiển xe máy BKS 88K1 – 314.02 thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, trị giá 700.000đ của chị Phùng Thị D.

Hành vi của bị cáo dùng xe máy làm phương tiện đi cướp giật điện thoại của người khác đã phạm vào tội: “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể điều luật quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 03 năm đến 10 năm

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

Hành vi của bị cáo là tảo bạo, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao N của khung hình phạt tù đến 10 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản. Mặc dù tiền án đó đã được xóa án tích nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định

của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với chị Nguyễn Thị H là người được bị cáo N chở đến phòng trọ tại phường K vào khoảng 18 giờ ngày 18/6/2018 và chị Nguyễn Thị L là người được bị cáo N đón tại Công ty giày da thuộc xã K, huyện TD vào khoảng 21 giờ ngày 18/6/2018. Quá trình điều tra chị H và chị L không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị P đã được trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu ghi; chị Phùng Thị D đã được trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng; chị Nguyễn Thị C đã được trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen BKS 88K1 – 314.02. Sau khi nhận lại tài sản chị P, chị D, chị C đều không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường khoản tiền gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 áo sơ mi màu đen và 01 đôi giày màu trắng thu giữ của bị cáo N. Quá trình điều tra xác định ngày 18/6/2018 N mặc áo sơ mi và đi đôi giày để cướp giết tài sản. Do không còn giá trị sử dụng, N không đề nghị nhận lại áo sơ mi và đôi giày nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (Ba) năm tù về tội: “Cướp giết tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 19/6/2018).

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi màu đen và 01 đôi giày màu trắng (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án TPV;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Đường